

**CÔNG TY TNHH MTV
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI NINH THUẬN
MST: 4500140073**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-CTKTTL

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2023

**BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH - NĂM 2022**

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận là đơn vị hoạt động công ích có nhiệm vụ bảo vệ, quản lý, khai thác các hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, cung cấp nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt, công nghiệp và dân sinh kinh tế cho nhân dân trong vùng hưởng lợi.

Trong năm 2022, tình hình thời tiết tương đối ổn định, nhưng tình hình mưa lũ một số thời điểm vẫn diễn biến phức tạp. Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân tỉnh, Ủy ban Nhân dân tỉnh; các Sở, Ban, Ngành và các cấp Chính quyền địa phương, bằng những nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ, đảng viên, người lao động Công ty đã tập trung điều tiết nước hợp lý, tiết kiệm đảm bảo cung cấp đủ nước phục vụ sản xuất và tích trữ nguồn nước phục vụ cho sản xuất và dân sinh kinh tế trong năm 2022. Với tinh thần vượt khó và nỗ lực không ngừng, Công ty đã đạt được một số kết quả chủ yếu sau:

Bảng số 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Giá trị thực hiện năm 2022
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất			
a)	Diện tích cung cấp nước	ha	73.993	76.921
b)	Khối lượng nước cung cấp	m ³	22.405.266	24.036.040
2	Tổng doanh thu	Tr đồng	84.780	98.367
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	4.630	8.738
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	4.324	7.957
5	Nộp ngân sách (số phát sinh phải nộp)	Tr đồng	2.143	4.853

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Giá trị thực hiện năm 2022
6	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích			
	<i>Diện tích cung cấp nước</i>	ha	73.993	76.921
8	Tổng lao động	Người	323	305
9	Tổng quỹ lương	Tr đồng	26.117	27.534
a)	- Quỹ lương quản lý	Tr đồng	1.598	1.693
b)	- Quỹ lương lao động	Tr đồng	24.519	25.841

1. Tổng diện tích cung cấp nước trong năm thực hiện là 76.921ha/73.993ha đạt 104% so với kế hoạch đã phê duyệt.

2. Khối lượng nước cung cấp cho sinh hoạt và công nghiệp: Sản lượng tiêu thụ trong năm là 24.036.040 m³/22.405.266 m³ đạt 107% so với kế hoạch đã phê duyệt.

3. Tổng doanh thu trong năm thực hiện là 98.367 triệu đồng/84.780 triệu đồng đạt 116% so với kế hoạch đã phê duyệt.

4. Lợi nhuận thực hiện năm:

- Lợi nhuận trước thuế là 8.738 triệu đồng/4.630 triệu đồng đạt 189% so với kế hoạch đã phê duyệt.

- Lợi nhuận sau thuế là 7.957 triệu đồng /4.324 triệu đồng đạt 184% so với kế hoạch đã phê duyệt.

5. Nộp ngân sách trong năm thực hiện là 4.853 triệu đồng/2.143 triệu đồng đạt 226% so với kế hoạch đã phê duyệt.

Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận:

❖ **Thuận lợi:**

Được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và sự chỉ đạo trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, sự quan tâm phối hợp của các quyền địa phương các cấp trong tỉnh đã đóng góp rất lớn vào kết quả đạt được của Công ty.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Chủ tịch Công ty, Ban giám đốc, việc phối hợp chặt chẽ giữa các đoàn thể và chính quyền, cùng với sự đoàn kết thống nhất của tập thể người quản lý và người lao động trong toàn Công ty là một

trong những nhân tố quyết định đến việc hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được Ủy ban Nhân dân tỉnh giao.

Trong những năm qua được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, Chính phủ đối với công tác thủy lợi của tỉnh nên đã được đầu tư xây mới, mở rộng, tu sửa nâng cấp các hồ chứa có dung tích lớn và hệ thống kênh mương được sửa chữa, nâng cấp mở rộng đều trên phạm vi toàn tỉnh đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều tiết nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt, công nghiệp và dân sinh kinh tế,...

Trong năm 2022, tình hình thời tiết tương đối ổn định, nhưng tình hình mưa lũ một số thời điểm vẫn còn diễn biến phức tạp. Tuy nhiên, với sự nỗ lực đoàn kết của toàn thể người lao động, người quản lý trong Công ty, cùng với sự hỗ trợ của chính quyền địa phương Công ty đều hoàn thành nhiệm vụ chính trị mà Ủy ban Nhân dân tỉnh đã giao: Quản lý vận hành đảm bảo an toàn các công trình thủy lợi, điều tiết nước phục vụ đất sản xuất, cung cấp đủ nước phục vụ sinh hoạt cho người dân và các ngành kinh tế trọng điểm trên địa bàn tỉnh góp phần vào việc ổn định, phát triển kinh tế và chính trị của tỉnh nhà.

Được Nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đã tạo giảm bớt gánh nặng cho người nông dân. Tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị thủy nông tập trung chuyên cho công tác quản lý các công trình thủy lợi, nâng cao năng lực quản lý điều hành công trình đạt hiệu quả, từng bước củng cố, sắp xếp bộ máy tinh gọn phù hợp tình hình thực tế của địa phương.

❖ **Khó khăn:**

Bên cạnh những thuận lợi được thì Công ty cũng có một số khó khăn như sau:

- Về tình hình vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi:

Công ty là đơn vị quản lý trực tiếp các công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhưng lại không có thẩm quyền lập Biên bản vi phạm hành chính cũng như xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều. Hiện nay, Công ty chỉ tăng cường công tác kiểm tra để kịp thời phát hiện vi phạm, nhắc nhở, yêu cầu đối tượng vi phạm khắc phục, hoàn trả hiện trạng công trình và thông báo tình hình đến địa phương, phối hợp cùng địa phương trong công tác xử lý vi phạm. *(Căn cứ theo Nghị định về số 03/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ về Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều thì thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc về Chủ tịch UBND các cấp; thanh tra và thủ trưởng cơ quan được giao chức năng thanh tra chuyên ngành khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, công an nhân dân...)*

Đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều, trong nội dung Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ thì tại địa phương vẫn không xác định rõ cấp nào có trách nhiệm chính trong công tác xử lý vi phạm (*chính quyền địa phương hay thanh tra ngành nông nghiệp*), việc này đã và đang gây lúng túng nhiều năm trong công tác xử lý vi phạm.

Ngoài ra, nhiều tuyến kênh của Công ty đã được xây dựng và đưa vào vận hành từ rất lâu (hơn 40 năm đến hơn 50 năm), không có hồ sơ thu hồi bồi thường do đó việc xác định phạm vi đất công trình thủy lợi để làm cơ sở xử lý lấn chiếm gặp rất nhiều khó khăn.

- *Về quản lý tài sản kết cấu hạ tầng công trình thủy lợi:*

Theo quy định tại Nghị định 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi: Một số công trình đã đưa vào vận hành khai thác nhiều năm (hơn 40 năm đến hơn 50 năm), hiện nay không có đủ tài liệu, căn cứ để xác định nguyên giá công trình, việc xác định theo giá quy ước do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định trên cơ sở giá trị của công trình có cấp kỹ thuật tương đương cũng phức tạp và khó khăn.

- *Nguồn kinh phí để duy tu, sửa chữa nâng cấp công trình:*

Hiện nay, Công ty vẫn đang áp dụng giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi theo giá được Chính phủ quy định từ những năm 2012, đến giai đoạn này đã hơn 10 năm, hiện tại giá này đã không còn phù hợp với giá cả thực tế hiện nay (*giá cả đã biến động thay đổi tăng theo thời gian rất nhiều trung bình khoảng 4%/năm*). Do đó việc cân đối nguồn kinh phí thu được từ hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và dịch vụ thủy lợi khác để quản lý, vận hành, bảo dưỡng, duy tu công trình thủy lợi gặp rất nhiều khó khăn nên Công ty chưa cân đối được đầy đủ để thực hiện tu sửa nâng cấp các công trình và cần nguồn kinh phí lớn để thực hiện.

- *Nguồn kinh phí để thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn đập, hồ chứa nước:*

Giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi chưa bao gồm các khoản kinh phí để Công ty thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn đập theo quy định tại Luật Thủy lợi năm 2017 và Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ và các quy định khác của Luật Tài nguyên nước, Luật Môi trường. Do đó việc cân đối nguồn kinh phí thu được từ hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và dịch vụ thủy lợi khác để quản lý, vận hành, bảo dưỡng, duy tu công trình thủy lợi gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn đập, hồ chứa nước cần nguồn kinh phí rất lớn. Cụ thể như sau:

+ Để có thể thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ khác nhau mà vẫn đảm bảo theo khung thời gian theo quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thì Công ty cần một nguồn kinh phí rất lớn, khoảng 50,8 tỷ đồng (16 nhiệm vụ cho 21 hồ chứa nước). Hiện nay, Công ty chỉ mới bố trí được 5,8 tỷ đồng để thực hiện một số nội dung theo quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi.

+ Ngoài ra, Công ty còn phải thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm quy định tại Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012 và các văn bản pháp luật liên quan với nguồn kinh phí khá lớn làm ảnh hưởng đến việc cân đối kinh phí trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi, cơ bản có hai nhiệm vụ chính:

(i) Lập, gia hạn hồ sơ cấp phép khai thác nước mặt cho các công trình thủy lợi;

(ii) Lắp đặt thiết bị đo đạc, quan trắc tại các hồ chứa nước và kết nối, truyền trực tiếp, cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, ước tính cần nguồn kinh phí khoảng ước tính nguồn kinh phí khoảng 31,61 tỷ đồng.

Đối với việc xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du các hồ chứa để làm cơ sở xây dựng phương án ứng phó tình huống khẩn cấp: hiện nay, Công ty mới chỉ có 05/21 hồ chứa nước được xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du, trong đó Công ty đầu tư nguồn vốn xây dựng 01/21 hồ chứa (hồ Bà Râu), 04/21 hồ chứa khác được thực hiện trong dự án Sửa chữa nâng cao an toàn đập WB8 tỉnh Ninh Thuận (gồm Sông Sắt, CK7, Sông Biêu, Ông Kinh). Với đặc điểm sông suối trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có dạng rẽ cây, các hồ chứa nước thường được xây dựng phân bố ở các nhánh sông nhỏ, khi xả lũ sẽ tập trung về sông chính, do đó phần lớn vùng hạ du đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh bị ảnh hưởng ngập lụt của nhiều đập, hồ chứa nên nguồn kinh phí xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du rất lớn, Công ty không thể cân đối nguồn kinh phí để thực hiện.

- Về tiền lương:

Công ty là doanh nghiệp hoạt động công ích, phục vụ nước tưới cho nông nghiệp, sinh hoạt, công nghiệp ... nên tiền lương của người lao động hoàn toàn phụ thuộc và việc cung cấp nước tưới cho nông nghiệp là chủ yếu chiếm hơn 70% tỷ trọng doanh thu và sản xuất công nghiệp, sinh hoạt. Mặc khác những năm vừa qua, do biến đổi khí hậu, tốc độ đô thị, khu công nghiệp, các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn nên diện tích sản xuất nông nghiệp bị ảnh hưởng rất lớn, diện tích sản xuất giảm nhiều do bỏ vụ làm giảm đáng kể tiền lương của người lao động trong Công ty. Dù vậy, để đảm bảo cho việc quản lý, bảo vệ an toàn hệ thống công trình thủy lợi phải vận hành liên tục để điều tiết nước phục vụ dân sinh kinh tế và chăn nuôi gia súc, thì Công ty phải bố trí người lao động

trực 24/24 để bảo vệ vận hành. Do đó, việc thực hiện quỹ tiền lương dựa trên năng suất lao động và sản phẩm dịch vụ cung cấp nước tưới là chưa hợp lý đối với Công ty làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi trong những năm gặp thiên tai hạn hán.

Đồng thời, theo quy định tại Thông tư số 26/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về việc khi tính toán tiền lương doanh nghiệp được giảm trừ trong điều kiện nguyên nhân bất khả kháng. Tuy nhiên, việc tính toán giảm trừ hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể nên Công ty không có cơ sở để thực hiện. Vì vậy, trong những năm thiên tai, hạn hán quỹ tiền lương của Công ty vô cùng hạn hẹp, làm ảnh hưởng đáng kể đến thu nhập của người lao động trong Công ty.

Các vấn đề nêu trên, là một trong những khó khăn rất lớn đối với việc quản lý lao động của Công ty, bên cạnh hàng năm đều được Ủy ban nhân dân tỉnh bàn giao quản lý công trình thủy lợi như hồ, đập, trạm bơm mới và diện tích thì chưa được người dân khai thác mở rộng sản xuất, nhưng Công ty phải bố trí lao động quản lý, bảo vệ, vận hành theo đúng quy định pháp luật, làm giảm năng suất lao động bình quân dẫn đến giảm quỹ tiền lương làm ảnh hưởng đến đời sống của người lao động trong Công ty ngày càng khó khăn.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên: Không có.

2. Các khoản đầu tư tài chính: Không có.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON: Không có.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và TT;
- Sở Tài chính;
- Sở NN và PTNT;
- Cổng thông tin điện tử của công ty;
- Chủ tịch, KSV, BGĐ Công ty;
- Phòng TC-HC (T/h công bố thông tin);
- Phòng Tài vụ;
- Lưu: VT, KHKT. **HTT**

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Nguyễn Công Xung